

TÁI CƠ CẤU HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ YẾU CỦA VÙNG ĐÔNG BẮC VIỆT NAM

TỔNG QUAN

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU THUỘC LĨNH VỰC CỦA ĐỀ TÀI Ở TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

1. Ngoài nước (phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài trên thế giới, liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài được trích dẫn khi đánh giá tổng quan)

a. Các nghiên cứu lý thuyết

Chất lượng của rổ hàng hóa xuất khẩu được đo lường qua lý thuyết Heckscher- Ohlin (1995) (hay còn gọi là lý thuyết H - O) thể hiện ở chỗ chất lượng của hàng hóa xuất khẩu được đo lường bằng mức độ phức tạp (export sophistication) của một loại hàng hóa chứ không chỉ bằng trình độ công nghệ (mô hình H - O cũng không tính đến sự khác nhau về trình độ công nghệ giữa các quốc gia tham gia vào thương mại quốc tế). Trong đó, mức độ phức tạp của hàng hóa xuất khẩu yêu cầu một nguồn lực cụ thể, cơ sở hạ tầng, vận tải và các yếu tố không dồi dào ở các vùng nghèo. Xuất khẩu một hàng hóa ở mức độ phức tạp cao hơn sẽ mang lại mức thu nhập cao hơn cho nước xuất khẩu hàng hóa đó [20].

b. Các nghiên cứu thực nghiệm

Finger, J. Michael and M.E. Kreinin (12/1979), đã nghiên cứu về chất lượng của cơ cấu hàng xuất khẩu trong tác phẩm "A Measure of 'Export Similarity' and Its Possible Uses". Các tác giả đã xây dựng chỉ số xuất khẩu tương đồng (the export similarity index - ESI) để đo lường về chất lượng của một cơ cấu hàng xuất khẩu có sánh giữa hai hay nhóm các quốc gia xuất khẩu với nhau.

Tiếp đến là Michaely, Michael (1984) đã nghiên cứu về mối quan hệ giữa xuất khẩu và mức thu nhập. Tác giả đã đưa ra cách tiếp cận mới để xác định về chất lượng của một cơ cấu hàng hóa bằng chỉ số được gọi là mức thu nhập của hàng hóa xuất khẩu (The income level of exports of good).

Mayer và Wood (2001), chất lượng của rổ hàng hóa xuất khẩu của một quốc gia được xác định bằng tỷ trọng của xuất khẩu các mặt hàng có hàm lượng lao động cao (labour - intensive products) và các mặt hàng có hàm lượng vốn cao (capital - intensive products) trong tổng xuất khẩu hàng hóa của quốc gia đó.

Sanjaya Lall, John Weiss and Jinkang Zhang (2005) đã đưa ra một cách tiếp cận mới về chất lượng của cơ cấu hàng xuất khẩu đó là mức độ phức tạp của hàng hóa xuất khẩu (sophistication of export). Nghiên cứu đưa ra một công thức tính toán về mức độ phức tạp của hàng hóa xuất khẩu [20].

Hausmann, Hwang, Rodrik (2005) đã tiếp tục nghiên cứu về cơ cấu hàng xuất khẩu và xác định về chất lượng của cơ cấu hàng xuất khẩu bằng việc xây dựng một chỉ số gọi là "mức thu nhập của nước xuất khẩu" (income level of a country's exports) là PRODY và EXPY [18].

Rodrik đã tiến hành nghiên cứu thực nghiệm về Trung Quốc để trả lời cho câu hỏi tại sao mà Trung Quốc lại có sự tăng trưởng vượt trội trong xuất khẩu hàng hóa trong tác phẩm "What's so special about China's exports?" (2006) bằng sử dụng hai hệ số là PRODY và EXPY đã xây dựng trong công trình nghiên cứu (2005) [23].

Zhi và Shang-Jin Wei (02/2007) về các yếu tố tác động đến chất lượng của cơ cấu hàng xuất khẩu của Trung Quốc. Nghiên cứu sử dụng chỉ tiêu đo lường chất lượng của cơ cấu hàng xuất khẩu bằng việc so sánh giữa mức độ giống nhau giữa cơ cấu xuất khẩu của Trung Quốc (các địa

phương của Trung Quốc) với cơ cấu xuất khẩu của 3 nhóm (G - 3 exports) nước bao gồm Mỹ, Nhật bản và 15 thành viên của EU (export dissimilarity index). Thực chất của chỉ tiêu đo lường này vẫn là sử dụng tỷ trọng xuất khẩu của từng loại hàng hóa trong cơ cấu xuất khẩu để so sánh và phân tích. Ngoài ra chỉ tiêu được sử dụng để đánh giá chất lượng hàng xuất khẩu là giá trị đơn vị của hàng xuất khẩu. Tiếp đến, nghiên cứu xem xét các yếu tố làm tăng chất lượng hay sự phức tạp của các sản phẩm xuất khẩu của Trung Quốc bao gồm thương mại (processing trade), vai trò của đầu tư nước ngoài, vốn con người và các chính sách ưu đãi thuế quan hay khuyến khích sự phát triển của các khu công nghệ cao của chính phủ. Kết quả tìm được là thương mại (xuất khẩu của các hãng nước ngoài) và khu vực công nghệ cao làm tăng chất lượng sản phẩm và giá trị đơn vị của sản phẩm, yếu tố vốn con người làm tăng mức độ phức tạp của sản phẩm xuất khẩu [24].

Nghiên cứu tiếp theo của Bin Xu (11/2007) sử dụng hệ số PRODY và EXPY của Rodrik (2006) để tính toán cho trường hợp của Trung Quốc và chỉ số xuất khẩu tương đồng (export similarity index - ESI) và thu được các kết quả tương tự nhau.

Nghiên cứu của Balassa (1965), được coi là nền tảng cho việc kiểm định các lý thuyết thương mại về lợi thế so sánh của các nghiên cứu trước đây với hệ số xác định lợi thế so sánh hiện hữu của hàng hóa xuất khẩu RCA (Reveal Comparative Advantage) ở cấp độ các quốc gia cũng như cấp độ tỉnh, khu vực:

Hệ số RCA được xác định như sau:

$$RCA_i = \frac{X_{Kij}}{\sum X_{Kj}} \cdot \frac{\sum X_{kiw}}{\sum X_{kw}}$$

Trong đó:

- RCA_i : là lợi thế so sánh của hàng hóa i
- $X_{Kij}/\sum X_{Kj}$: Là tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa i của nước j trên tổng xuất khẩu hàng hóa của nước j
- $X_{kiw}/\sum X_{kw}$: Là tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa i của thế giới (hoặc nhóm các nước xuất khẩu) trên tổng xuất khẩu của thế giới
- Hàng hóa xuất khẩu được coi là có lợi thế so sánh nếu có $RCA > 1$ và không có lợi thế so sánh nếu $RCA < 1$
- Nghiên cứu của Bernard Hoekman, Simeon Djankov (1997) về các yếu tố quyết định đến cơ cấu xuất khẩu của các nước ở các nước Trung và Tây Âu bằng sử dụng hệ số RCA và hệ số tương quan giữa các RCA [19].
- Paolo Guerrieri and Simona Iammarino xây dựng hệ số RCA cho các tỉnh của Italia để phân tích sự thay đổi cơ cấu hàng xuất khẩu của các tỉnh của Italia [17].

2. Trong nước

Cho đến hiện tại, đã có khá nhiều nghiên cứu trong nước sử dụng hệ số so sánh của Balassa (1965) để tiến hành tính toán lợi thế so sánh cho hàng xuất khẩu của Việt Nam như nghiên cứu Multrap (2002) đã tính hệ số RCA cho 60 ngành công nghiệp chế tạo của Việt Nam, đồng thời sử dụng cả hệ số bảo hộ hữu hiệu (ERP) để so sánh và tính toán cũng như rút ra các kết luận về khả năng cạnh tranh của Việt Nam [21].

Nghiên cứu tiếp theo của Fukase, Martin (2002) cũng sử dụng hệ số RCA của Balassa (1965) để tính toán lợi thế so sánh hàng xuất khẩu cho nhóm 10 nước ASEAN. Số liệu sử dụng tính toán cho 96 ngành phân theo tiêu chuẩn ngoại thương (SITC).

Tác giả Nguyễn Tiến Trung (2002) đã sử dụng hệ số RCA để tính toán cho Việt Nam trong rõ hàng hóa với 5 nước ASEAN. Ngoài ra, tác giả còn sử dụng thêm hai chỉ số là hệ số tương đồng (ESI) và tỷ lệ bảo hộ hữu hiệu (ERP). Thời gian tính RCA là giai đoạn 1995 - 1998 và cho 99 ngành hàng phân loại theo SITC, hệ số ESI được tính cho ba năm (1997 - 1999) [22].

Nghiên cứu của tác giả Mai Thế Cường (2005), đã sử dụng hệ số RCA cho 99 ngành hàng xuất khẩu phân theo tiêu chuẩn của hệ thống thuế quan HS96. Tuy nhiên, bên cạnh việc sử dụng hệ số RCA của Balassa (1965), tác giả còn sử dụng ba hệ số đo lường lợi thế so sánh của Vollrah (1991) vì cho rằng hệ số này phản ánh toàn diện hơn vì có tính đến cả hàng hóa nhập khẩu [15]. Bùi Thúy Vân (2005) đã sử dụng hệ số RCA của Balassa (1965) để tính toán cho một số ngành hàng xuất khẩu của Hà Nội. Nghiên cứu của viện Nghiên cứu Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (2000) cũng đã tiến hành tính toán lợi thế so sánh hiện hữu cho thành phố Hồ Chí Minh và các vùng lân cận [16].

Bùi Thúy Vân (2011) đã sử dụng cách phân loại cơ cấu hàng xuất khẩu, thống kê theo chỉ tiêu chất lượng (EXPY) và mức độ phức tạp của hàng hóa xuất khẩu (PRODY) vào Việt Nam. Cách đánh giá và phân loại này rất có ý nghĩa đối với việc nghiên cứu cũng như xem xét, nhận định về hiện trạng chất lượng một cơ cấu hàng xuất khẩu hay chất lượng xuất khẩu của từng nhóm mặt hàng, từng loại mặt hàng để từ đó có các đánh giá kịp thời quá trình chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu và những điều chỉnh cần thiết để đạt mục tiêu đề ra trong khi các nghiên cứu trong nước và Tổng cục Thống kê đang áp dụng để phân loại mới chỉ xem xét đến giá trị xuất khẩu còn mức thu nhập bình quân đầu người mang lại từ một đơn vị hàng hóa xuất khẩu chưa được thống kê đến. Tính toán hệ số tương quan giữa các RCA giúp nhận xét được sự chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu của từng cặp hàng hóa cụ thể, từ đó có các giải pháp hoặc điều chỉnh kịp thời về mức độ chuyển dịch cần đạt được [8].

Tóm lại, mặc dù cho đến nay đã có rất nhiều nghiên cứu về xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam cũng như một vùng trong cả nước. Các nghiên cứu này chủ yếu phân tích về tình hình xuất khẩu các mặt hàng cụ thể, về đối tác, về thị trường xuất khẩu, FDI với chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu của một số địa phương, các biện pháp bảo hộ, thuế quan... Từ đó, đưa ra các giải pháp để đẩy mạnh xuất khẩu. Thêm vào đó, cũng có nhiều bài viết phản ánh chất lượng hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam cũng như một số địa phương như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng,... Các bài viết này cũng chỉ đề cập đến việc Việt Nam cần có sự chuyển dịch cơ cấu sản phẩm xuất khẩu thay vì tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu và tiếp tục xuất khẩu với cơ cấu hàng hóa có giá trị gia tăng thấp như hiện nay. Tuy nhiên, các bài viết này chưa có một cách xác định cụ thể về chất lượng của cơ cấu hàng xuất khẩu cũng như nghiên cứu định lượng về vấn đề này và mới chỉ dừng lại ở các nhận xét định tính. Mặt khác, cơ cấu mặt hàng xuất khẩu thay đổi theo không gian và thời gian, nó tùy thuộc vào nhiều nhân tố chủ quan hoặc khách quan. Do vậy, việc nghiên cứu cơ cấu mặt hàng xuất khẩu và tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của vùng Đông bắc Việt Nam giai đoạn 2002 – 2012 trên cơ sở sử dụng phương pháp phân tích định lượng có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn.

MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đánh giá tác động, xác định mô hình chuyển dịch cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu và đề xuất các giải pháp hữu hiệu nhằm tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030.

2. Nhiệm vụ cụ thể

- Hệ thống hóa và bổ sung những vấn đề lý luận về cơ cấu và tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu; những nhân tố tác động tới tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu;
- Xây dựng mẫu điều tra, tiến hành điều tra thu thập thông tin liên quan đến cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam;

- Phân tích thực trạng cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam;
- Sử dụng các mô hình phân tích kinh tế hiện đại, phương pháp phân tích định lượng để xác định mức độ tác động của các nhân tố tới chuyển dịch cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam;
- Xây dựng hàm hồi quy và các phương pháp dự báo hiện đại để dự báo cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam đến năm 2020;
- Đề xuất các nhóm giải pháp và các điều kiện cụ thể để áp dụng các giải pháp nhằm chuyển dịch cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam đến năm 2020;
- Khuyến nghị về mặt chính sách đối với Nhà nước và các địa phương trong vùng Đông bắc Việt Nam để thực hiện thành công phương án tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu trong điều kiện cụ thể đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

NỘI DUNG

Ngoại lời mở đầu, mục lục, danh mục chữ viết tắt, phần phụ lục và tài liệu tham khảo; đề tài được nghiên cứu với kết cấu 3 chương, như sau:

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TÀI CƠ CẤU MẶT HÀNG XUẤT KHẨU

Mục đích: Hệ thống hóa và bổ sung mới những vấn đề lý luận về cơ cấu mặt hàng xuất khẩu, tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu và các nhân tố tác động tới tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu; gồm các mục sau:

- 1.1. Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu
 - 1.1.1. Khái niệm cơ cấu mặt hàng xuất khẩu
 - 1.1.2. Vai trò của cơ cấu mặt hàng xuất khẩu
 - 1.1.3. Phân loại cơ cấu mặt hàng xuất khẩu
 - 1.1.4. Những nhân tố hình thành cơ cấu mặt hàng xuất khẩu
 - 1.1.5. Những chỉ tiêu đánh giá cơ cấu mặt hàng xuất khẩu
- 1.2. Tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu
 - 1.2.1. Khái niệm về tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu
 - 1.2.2. Các cách thức tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu
 - 1.2.3. Những nhân tố tác động tới tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu
 - 1.2.4. Sự cần thiết phải tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu
 - 1.2.5. Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá mức độ tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu
 - 1.2.6. Mô hình đánh giá tác động của các nhân tố tới tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu
- a. Mô hình định tính
- b. Mô hình phân tích định lượng
- 1.3. Kinh nghiệm tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của một số nước trên thế giới

CHƯƠNG 2: ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CƠ CẤU MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ YẾU CỦA VÙNG ĐÔNG BẮC VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2002 - 2012

Mục đích: Phân tích thực trạng tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam; xác định mức độ tác động của các nhân tố (thông qua hệ số tương quan); xây dựng mô hình hồi quy thực tế để xác định mức độ tác động mang tính định lượng; kiểm định giả thuyết của mô hình; gồm các mục sau:

- 2.1. Những lợi thế và khó khăn của các tỉnh vùng Đông bắc Việt Nam trong hoạt động xuất khẩu
- 2.2. Các văn bản luật pháp và chính sách của Việt Nam và các tỉnh vùng Đông bắc Việt Nam đối với hoạt động xuất khẩu hàng hóa

- 2.3. Tổng quan về hoạt động xuất khẩu các mặt hàng chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam
- 2.4. Phân tích thực trạng cơ cấu xuất khẩu các mặt hàng chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam
- 2.5. Đánh giá tác động của các nhân tố tác động tới tái cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc (sử dụng phương pháp phân tích định lượng)
- 2.6. Kiểm định các giả thuyết của mô hình tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam
- 2.7. Đánh giá chung về cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam

CHƯƠNG 3: ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP TÁI CƠ CẤU MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ YẾU CỦA VÙNG ĐÔNG BẮC VIỆT NAM

Mục đích: Trên cơ sở dự báo mô hình tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Vùng, đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, nội dung gồm có:

- 3.1. Dự báo mô hình và các phương án tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam
- 3.2. Lộ trình tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Vùng đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;
- 3.3. Những quan điểm và định hướng tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam
- 3.4. Những giải pháp tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030
- 3.5. Đề xuất và kiến nghị các điều kiện áp dụng các giải pháp có hiệu quả tại vùng Đông bắc Việt Nam

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

a. Cơ sở phương pháp luận

Đề tài lấy phương pháp luận biện chứng duy vật làm cơ sở phương pháp luận cho nghiên cứu. Bởi lẽ, phương pháp luận là một hệ thống các quan điểm, nguyên tắc xuất phát, những cách thức chung để thực hiện hoạt động nhận thức và thực tiễn. Đề tài lấy chủ nghĩa duy vật biện chứng làm cơ sở phương pháp luận. Bởi vì, chủ nghĩa duy vật biện chứng là khoa học về các quy luật chung nhất của tự nhiên, của xã hội loài người và của tư duy con người. Những nguyên lý của nó có tác dụng hướng dẫn, gợi mở các thức xem xét các sự vật, hiện tượng trong cả tự nhiên, xã hội và trong nhận thức. Những nguyên lý ấy cung cấp một thế giới quan khoa học, yêu cầu xem xét sự vật, hiện tượng theo quan điểm toàn diện, phát triển, liên hệ phổ biến, lịch sử – cụ thể... nên có thể coi phương pháp luận biện chứng duy vật là cơ sở phương pháp luận khoa học cho các phương pháp cụ thể mà tác giả ứng dụng trong nghiên cứu đề tài. Theo đó, việc nghiên cứu tái cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu được thực hiện một cách toàn diện trong cả giai đoạn từ năm 2002 đến năm 2012, xem xét tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam đặt trong mối quan hệ với các yếu tố khác. Hoạt động tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam được xem xét trong mối liên hệ với nhau về cả thời gian và không gian trong điều kiện cụ thể của vùng kinh tế trọng điểm khi Việt Nam đang thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm tái cơ cấu nền kinh tế của đất nước, trên quan điểm phát triển bền vững. Đề tài phân tích nguồn gốc và động lực của sự tác động của các nhân tố tới tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu, xu hướng tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Vùng dựa trên cơ sở phủ định biện chứng (dựa trên cơ sở một cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu hiện có của vùng Đông bắc Việt Nam). Đồng thời, ngoài sự tác động từ các yếu tố khác nhau đến tái cơ cấu

mặt hàng xuất khẩu chủ yếu thì bản thân cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam cũ ng tự chuyển dịch. Mặt khác, khi xem xét tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu cần phải đặt trong điều kiện cụ thể của vùng Đông bắc Việt Nam, không chỉ xem xét mức độ tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu dưới tác động của các yếu tố trong suốt quá trình mà cần phải nghiên cứu tác động này trong các không gian, thời gian, điều kiện, hoàn cảnh lịch sử – cụ thể khác nhau của vùng Đông bắc Việt Nam.

b. Như ng phương pháp nghiên cứu cụ thể

- Phương pháp diễn n dịch trong suy luận: Đề tài tiếp cận nghiên từ như ng cái khái quát đến cái cụ thể. Trên cơ sở đó, đề tài nghiên cứu khái quát về cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam, phân tích những nguyên nhân chủ quan và khách quan của thực trạng trong từng điều kiện cụ thể của Vùng này, có so sánh với các địa phương khác trong cả nước.

- Phương pháp quy nạp trong suy luận: Đề tài tiếp cận nghiên từ như ng cái cụ thể đến cái khái quát. Theo đó, khi nghiên cứu tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam, đề tài sử dụng cách tiếp cận từ những vấn đề cụ thể thực tiễn về cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Vùng này để đưa ra như ng đánh giá khái quát thành những kết luận có tính quy luật và hệ thống.

- Phương pháp định lượng và định tính: Đề tài có sử dụng việc lượng hóa các mối quan hệ tác động của các nhân tố tới tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam bằng các chỉ số; các biến độc lập và biến phụ thuộc, sử dụng mô hình tương quan và hàm hồi quy để phân tích. Từ đó, đưa ra những nhận định, như ng mô hình dự báo cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Vùng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và như ng kết luận có tính chất định tính cho các vấn đề liên quan.

- Phương pháp phương pháp đô thị và phương pháp bảng thống kê để tổng hợp: Đề tài sử dụng hệ thống các loại đô thị toán học (đô thị hình cột, đô thị hình tảo, đô thị tổng hợp, ...) và như ng bảng thống kê số liệu theo chiều dọc và chiều ngang mô tả hiện trạng cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu và tác động của các nhân tố tới tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam theo thời gian (từ 2002 – 2012), từ đó tổng hợp đánh giá mức độ tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của Vùng trong như ng điều kiện thời gian cụ thể.

- Phương pháp số bình quân, số tương đối, phân tích tương quan, hàm hồi quy, phương pháp dãy y số thời gian và phương pháp chỉ số để phân tích: Đề tài sử dụng các phương pháp này dựa trên nguồn số liệu cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu cùng với tác động của các nhân tố tới tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Vùng để đưa ra như ng phân tích chính xác hiện trạng, xác định nguyên nhân chủ quan và khách quan để làm cơ sở cho đánh giá tác mức độ tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu. Phương pháp số bình quân tốc độ tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu trong từng giai đoạn và một số chỉ tiêu liên quan được tính bình quân theo thời gian đã sử dụng cho cơ sở phân tích của đề tài. Tác giả đề tài sử dụng phương pháp số tương đối (tỷ lệ phần trăm) để xem xét sự thay đổi về nội bộ cơ cấu từng nhóm hàng hóa, từng thành phần trong cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Vùng; cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu theo cả giá trị, số lượng và chất lượng mặt hàng, theo từng địa phương trong Vùng và cả Vùng. Đề tài ứng dụng phương pháp phân tích tương quan giữa a các nhân tố tác động với tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu, tương quan giữa a các nhân tố với tỷ trọng các mặt hàng trong cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam. Đề tài sử dụng phương pháp dãy y số thời gian từ năm 2002 đến 2012 để đánh giá thực trạng các nhân tố tác động (biến độc lập) tới tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam, từ đó có sự suy luận và dự báo được cơ

cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu trong thời gian tới. Ngoài ra, đề tài còn sử dụng một số chỉ số phân tích như: số liệu thống kê về xuất khẩu, GDP bình quân của Vùng để tính toán các chỉ số đo lường chất lượng của hàng xuất khẩu, hệ số RCA, hệ số tương quan giữa các RCA để đo lường sự thay đổi trong cơ cấu hàng xuất khẩu, ... Xây dựng mô hình và sử dụng tương quan, hồi quy bằng sử dụng phần mềm Excel, SPSS, Stata,... để kiểm định các giả thuyết về tác động của các nhân tố đến tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam về giá trị, số lượng và chất lượng.

- Phương pháp logic: Dựa trên cơ sở lý luận về kinh nghiệm của các địa phương trong và ngoài nước được hệ thống hóa; đề tài phân tích thực trạng cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu và tác động của các nhân tố tới tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam, từ đó rút ra những đánh giá cụ thể. Đề tài đưa ra những quan điểm, định hướng và đề xuất những giải pháp hữu hiệu nhằm tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Vùng đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

c. Các chỉ tiêu nghiên cứu chủ yếu được sử dụng cho đề tài

* Chỉ tiêu đo lường cơ cấu hàng xuất khẩu

- Đo lường về mặt chất lượng của cơ cấu hàng xuất khẩu

Đề tài sẽ sử dụng chỉ số PRODY và EXPY của Hausmann, R., Hwang, J., Rodrik, D (2005). Vì chỉ số này phản ánh toàn diện hơn chỉ số ESI và đặc biệt là không chỉ nhằm mục đích xếp hạng về chất lượng hàng xuất khẩu và xây dựng công thức tính mức độ phức tạp của mỗi hàng hóa xuất khẩu cho vùng như sau:

$$PRODY_{kv} =$$

$$PRODY_{nk} =$$

$$PRODY_{sk} =$$

$$\sum R_{kt} * Y_{tk} \quad (1)$$

$$\sum R_{nk} * Y_{tk} \quad (2)$$

$$\sum R_{sk} * Y_{tk} \quad (3)$$

* Trong đó: Ở công thức (1)

- PRODY_{kv}: là chỉ số chất lượng xuất khẩu mặt hàng k của vùng.
- Y_{tk}: là GDP bình quân đầu người (giá thực tế) của tỉnh t có xuất khẩu mặt hàng k
- R_{kt} là hệ số PRODY và được xác định như sau:

$$R_{kt} = \frac{XK_{kt}/\sum XK_t}{\sum XK_{kt}/\sum XK_t}$$

(4)

Trong đó:

- XK_{kt} là xuất khẩu mặt hàng k của tỉnh t (t bao gồm 09 tỉnh trong vùng Đông bắc Việt Nam)
- $\sum XK_t$: là tổng xuất khẩu của tỉnh t
- $\sum XK_{kt}/\sum XK_t$: Tổng tỷ trọng xuất khẩu mặt hàng k trên tổng xuất khẩu của tỉnh t.

Như vậy, có thể thấy công thức (1) cho phép tính được chất lượng trung bình của một mặt hàng xuất khẩu trong rổ hàng hóa xuất khẩu bao gồm 09 tỉnh thuộc vùng Đông bắc Việt Nam hay chính là chất lượng trung bình của một mặt hàng xuất khẩu của Vùng. Chỉ số này vừa cho thấy vai trò của mặt hàng k trong cơ cấu xuất khẩu của tỉnh cũng như trong cơ cấu xuất khẩu của cả Vùng. Điều này sẽ phản ánh chính xác hơn về chất lượng thực sự của các mặt hàng xuất khẩu của Vùng để từ đó đưa ra các nhận xét và đề xuất hợp lý hơn.

* Trong công thức (2):

- PRODY_{nk}: là chỉ số chất lượng của nhóm mặt hàng k, phân theo tiêu chuẩn ngoại thương SITC (REV 3)
- R_{nk} là hệ số PRODY của nhóm mặt hàng phân theo tiêu chuẩn ngoại thương của tỉnh t (k= 1 đến 8, tương ứng với SITC0, SITC1, ..., SITC 8 và t là các tỉnh từ 01 đến 09 thuộc vùng Đông bắc Việt Nam)
- Y_{tk}: là GDP bình quân đầu người (giá thực tế) của tỉnh t có xuất khẩu nhóm mặt hàng k theo tiêu chuẩn ngoại thương SITC(REV 3)

* Trong công thức (3):

- PRODY_{sk}: là chỉ số chất lượng của nhóm mặt hàng k, phân theo tiêu chuẩn VSIC 93
- R_{sk} là hệ số PRODY của nhóm mặt hàng phân theo tiêu chuẩn VSIC 93
- Y_{tk}: là GDP bình quân đầu người (giá thực tế) của tỉnh t có xuất khẩu nhóm mặt hàng k theo tiêu chuẩn VSIC 93.

Nếu như kết quả tính toán chất lượng hàng xuất khẩu theo PRODY_{kv} sẽ cho thấy chất lượng của từng mặt hàng và sự thay đổi chất lượng này qua các năm thì kết quả tính toán từ chỉ số

PRODY_{nk} sẽ cho thấy chất lượng hoặc sự thay đổi chất lượng của hàng hóa xuất khẩu chủ yếu theo tiêu chuẩn ngoại thương đó là sự phân loại mặt hàng xuất khẩu theo cấp độ hàm lượng chế biến từ thô, sơ chế đến các mặt hàng tinh chế, và PRODY_{sk} cho thấy đóng góp về mặt chất lượng xuất khẩu của các ngành.

Tiếp đến là tính toán chỉ số chất lượng xuất khẩu của vùng:

$$EXPY_{mh} = \sum$$

XK_{vk}

XK_v

* PRODY_{kv} (4)

$$EXPY_{sh} = \sum$$

XK_{vk}

XK_v

* PRODY_{nk} (5)

$$EXPY_{vh} = \sum$$

XK_{vk}

XK_v

* PRODY_{sk} (6)

Trong đó:

- EXPY_{mh}, EXPY_{sh} và EXPY_{vh}: chỉ số chất lượng của cơ cấu xuất khẩu của vùng (tương ứng với trường hợp các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu, các mặt hàng được phân loại theo SITC3 và VSIC 93)
 - XK_{vk}: Xuất khẩu mặt hàng k của vùng (tương ứng với 3 trường hợp là các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu, các mặt hàng được phân loại theo SITC 3 và VSIC 93)
 - XK_v: Tổng xuất khẩu của vùng
 - Đo lường về mặt số lượng
- Nghiên cứu sử dụng giá trị xuất khẩu để đánh giá về mặt lượng của cơ cấu hàng xuất khẩu của Vùng.

* Đo lường về sự chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu chủ yếu của Vùng

- Về mặt số lượng: là sự thay đổi của giá trị của hàng hóa xuất khẩu của Vùng qua các năm nói chung cho cả cơ cấu mà không phân biệt giá trị của các loại hàng hóa xuất khẩu có hàm lượng chế biến cao hay các hàng hóa sử dụng nhiều lao động để xem xét chung về sự thay đổi của cơ cấu về mặt lượng.

- Về mặt chất lượng: Ngoài phân tích sự chuyển dịch cơ cấu từ nhóm hàng thô sang nhóm hàng chế biến và tinh chế, đề tài sẽ sử dụng hai cách tính toán sau để định lượng được quá trình trên:

Một là, sử dụng cách tính hệ số tương quan giữa các RCA trong nghiên cứu của Bernard Hoekman, Simeon Djankov (1997) để đo lường về sự thay đổi của chất lượng của cơ cấu hàng xuất khẩu. Hệ số tương quan được tính để đo lường sự thay đổi trong cơ cấu hàng xuất khẩu của vùng Đông bắc Việt Nam theo từng năm trong giai đoạn 1998 - 2012. Hệ số tương quan được tính cho một số các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu, các mặt hàng xuất khẩu phân loại theo SITC và VSIC93. Tuy nhiên, không dừng lại ở cách đánh giá chung về sự thay đổi của cơ cấu của Bernard Hoekman, Simeon Djankov, mà để làm rõ hơn về sự thay đổi này theo cách đo lường của Mayer và Wood (2001), nghiên cứu sẽ tính hệ số tương quan giữa hai nhóm mặt hàng là thô, sơ chế và nhóm hàng đã tinh chế theo tiêu chuẩn SITC (Rev 3) ở cấp độ một chữ số cho các năm từ 2002 đến 2012.

Cũng theo cách đánh giá này thì hệ số RCA được tính như sau:

Đề tài sử dụng hệ số đo lường lợi thế so sánh hiện hữu của Balassa (1965) để tính cho các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng Bắc bộ từ đó tính toán số liệu cho cả Vùng. Để tính toán RCA cho cấp độ vùng Đông bắc Việt nam (bao gồm 09 tỉnh), tác giả xây dựng công thức tính RCA của các mặt hàng xuất khẩu của Vùng như sau:

$$RCA_{iv} = \frac{\sum(XK_{iv} / \sum XK_v) * X_{kivn} / \sum X_{kvn}}{\quad} \quad (7)$$

Trong đó:

- RCA_{iv} : là lợi thế so sánh của hàng hóa i của Vùng

- $XK_{ip} / \sum XK_p$: Là tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa i của tỉnh p thuộc vùng (p = 09 tỉnh) trên tổng xuất khẩu hàng hóa của tỉnh p

- $X_{kivn} / \sum X_{kvn}$: Là tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa i của Việt Nam trên tổng xuất khẩu của Việt Nam.

Thực chất của công thức (7) vẫn là dạng tính toán của RCA nhưng nhấn mạnh vào lợi thế so sánh ở cấp độ một vùng và là tổng hợp số liệu của 09 tỉnh riêng lẻ nằm trên địa bàn của Vùng.

Tiếp đến là công thức tính RCA cho các nhóm hàng được phân ngành theo tiêu chuẩn SITC 3 của Vùng:

$$RCA_{ivs} = \frac{\sum XK_{ivs} / \sum XK_{vs} * X_{kivs} / \sum X_{kivs}}{\quad} \quad (8)$$

Trong đó:

- RCA_{ivs} : Lợi thế so sánh của nhóm hàng thứ i theo SITC (i = SITC 0 đến SITC 8)

- $XK_{ivs} / \sum XK_{vs}$: Là tỷ trọng xuất khẩu nhóm hàng hóa thứ i của vùng trên tổng xuất khẩu hàng hóa của vùng (theo tiêu chuẩn SITC 3)

- $X_{kivs} / \sum X_{kivs}$: Là tỷ trọng xuất khẩu nhóm hàng hóa thứ i của Việt Nam trên tổng xuất khẩu của Việt Nam (theo tiêu chuẩn SITC 3)

Hai là, tính hệ số PRODY và EXPY từ năm 2002 - 2012 cho các loại hàng hóa phân theo tiêu chuẩn ngoại thương, một chữ số và phân theo tiêu chuẩn phân ngành của Việt Nam (VSIC 1993) và chỉ số PRODY cho các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Vùng và hệ số EXPY cho các năm từ 2002 đến 2012. Sự thay đổi của hai chỉ số trên theo từng năm có thể thấy được sự biến động về mặt chất lượng của cơ cấu hàng xuất khẩu vùng Đông bắc Việt Nam. Sự đánh giá tác động của

các nhân tố đến chỉ số chất lượng hàng xuất khẩu theo từng năm sẽ cho thấy rõ hơn sự biến đổi về cơ cấu hàng xuất khẩu về mặt chất lượng khắc phục được việc sử dụng chỉ số PRODY trung bình như trong mô hình đánh giá tác động của các nhân tố đến chất lượng của hàng xuất khẩu của Rodrik (2006) và Bin Xu, Jiangyong Lu (2006 và 2009). Tuy nhiên, khối lượng tính toán sẽ phức tạp hơn.

Ba là, nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy với sự trợ giúp công cụ của Excel, SPSS, Stata,... để tính toán. Hàm tác động của các nhân tố đến tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Vùng Đông bắc Việt Nam sẽ có dạng:

$$TCCMHXK = F(Xvốn, Xgo, Xcn, Xgdp, Xtn, ...)$$

Biến phụ thuộc là mức độ tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu (TCCMHXK) của Vùng là chỉ số EXPY được tính cho từng năm từ 2002 đến 2012. Các biến phụ thuộc khác bao gồm trị giá xuất khẩu của Vùng (TGXK) từ năm 2002 - 2012 và tổng giá trị tuyệt đối tăng trưởng xuất khẩu (TTXKmh) từ năm 1998 - 2012 sẽ cho biết sự thay đổi về cơ cấu xuất khẩu nói chung về mặt số lượng. Biến PRODYcy là hệ số phức tạp của nhóm hàng chủ yếu sẽ phản ánh sự thay đổi PRODYcy của nhóm mặt hàng này giai đoạn 2002 - 2012. Hệ số tương quan giữa các RCA của hai nhóm hàng xuất khẩu theo tiêu chuẩn SITC từ năm 2002 đến 2012, hệ số này phản ánh sự thay đổi của cơ cấu hàng xuất khẩu từ nhóm hàng nhóm hàng thô, sơ chế sang nhóm chế biến và tinh chế đồng thời cho thấy sự thay đổi của cơ cấu theo hướng nâng cao chất lượng hàng xuất khẩu. Tiếp đến là giá trị gia tăng (VA) của các ngành sản xuất sản phẩm theo từng năm từ 2002 - 2012 và giá trị xuất khẩu của nhóm mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Vùng.

Các biến độc lập là vốn, tổng giá trị sản xuất (go), giá trị công nghệ (cn), thu nhập quốc dân của vùng (gdp), thu nhập của từng ngành sản xuất hàng xuất khẩu (tn), ...

Bốn là, nguồn số liệu để tính toán các chỉ số RCA, PRODY và EXPY và đánh giá tác động của các nhân tố tới tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam về mặt số lượng bao gồm:

- Số liệu giá trị xuất khẩu theo mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đồng bằng Bắc bộ bao gồm 09 tỉnh là Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Giang, Quảng Ninh và Phú Thọ do Cục Thống kê các tỉnh và Tổng cục Thống kê cung cấp. Trong đó có bao gồm cả số liệu xuất khẩu chia theo các thành phần kinh tế. Số liệu thống kê về xuất khẩu sẽ là số liệu xuất khẩu trên địa bàn các tỉnh thuộc Vùng.

- Số liệu về xuất khẩu của Việt Nam theo tiêu chuẩn ngoại thương SITC 3 và phân ngành theo VSIC 93 được lấy từ tài liệu xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam 2002 đến 2012 do Tổng cục Thống kê phát hành. Số liệu này được sử dụng để tính hệ số RCA cho mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam theo SITC 3 và VSIC 93.

Việc sử dụng số liệu hàng xuất khẩu phân loại theo tiêu chuẩn SITC để tính chỉ số PRODY và EXPY của các nhóm hàng sẽ giúp nghiên cứu đưa ra những luận giải về chất lượng của cơ cấu hàng xuất khẩu của Vùng và mức độ tái cơ cấu của nó từ mức độ thô, sơ chế đến mức độ chế biến cao.

d. Các giả thuyết nghiên cứu cho đề tài

e. Phương pháp, công cụ kiểm định giả thuyết của đề tài

HIỆU QUẢ KTXH

Đề tài kỳ vọng sẽ có những đóng góp nhất định cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt tại các tỉnh (9 tỉnh) thuộc vùng Đông bắc Việt Nam, thông qua các đề xuất nhằm hoàn thiện hệ thống chính sách và năng lực quản lý nhằm tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu, có được một cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu phù hợp với đặc thù của Vùng. Thúc đẩy quá trình tái cơ

cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam, tạo điều kiện góp phần để cơ cấu lại nền kinh tế của các tỉnh vùng Đông bắc Việt Nam có hiệu quả, phát huy nguồn lực và lợi thế so sánh để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế của các tỉnh trong Vùng này được nhanh và bền vững.

Các tài liệu liên quan và quá trình thực hiện đề tài là cơ hội để giúp cho các đối tác quan tâm có thêm thông tin chuẩn xác hơn về các chính sách xuất khẩu hàng hoá chủ yếu của các tỉnh, thông qua đó tăng cường sự hiểu biết và lòng tin với môi trường sản xuất hàng hoá hướng về xuất khẩu tại các địa phương, góp phần thúc đẩy sản xuất, phân phối và tham gia vào chuỗi giá trị xuất khẩu toàn cầu.

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

- Phương thức chuyển giao: Ngay trong quá trình thực hiện đề tài, thông qua các cuộc điều tra khảo sát, qua các cuộc tọa đàm khoa học... các kết quả nghiên cứu có thể được xã hội hoá, được tiếp thu bởi các cán bộ tại các địa phương. Ngoài ra, theo quy định hiện hành, các sản phẩm của đề tài sẽ được bàn giao cho cơ quan quản lý của các địa phương. Tất cả các sản phẩm chuyển giao đều có giấy xác nhận của cơ quan tiếp nhận. Những kết quả đó bao gồm cả phần cứng và phần mềm. Phần mềm có thể đưa ngay lên mạng để các cơ quan, cá nhân có thể khai thác. Mặt khác, sau khi hoàn thành kết quả nghiên cứu, sản phẩm của đề tài gồm 01 báo cáo khoa học có chất lượng, 01 bản tóm tắt và phương án tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu; mô hình cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Vùng sau khi đã thực hiện phương án tái cơ cấu. Kết quả nghiên cứu của đề tài là bản luận chứng kinh tế quan trọng giúp các nhà hoạch định chính sách kinh tế - xã hội của các tỉnh thuộc vùng Đông bắc Việt Nam tham khảo để vận dụng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh và Vùng kinh tế trọng điểm này.

- Phạm vi, khả năng và địa chỉ ứng dụng: Ứng dụng cho chiến lược cơ cấu lại nền kinh tế trong đó tập trung tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của các tỉnh thuộc khu vực Đông bắc Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, có khả năng ứng dụng đối với các khu vực và các địa phương khác trong cả nước. Khi đề tài được nghiên cứu thành công sẽ thực hiện phương án chuyển giao chính quyền cho 09 tỉnh thuộc vùng Đông bắc Việt Nam; chuyển giao cho Đại học Thái Nguyên để làm tài liệu phục vụ giảng dạy và NCKH cho toàn Đại học.